TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 49 /2017/HSST
Ngày 26 / 9 / 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn.

2. Bà Nguyễn Thị Lại.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55 /2017/ HSST ngày 30/8/2017 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn A, xã Y, huyện Y D, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Đặng Văn Q (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1987; Con: Đặng Văn T (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2017 đến nay, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:

1- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.(Đề nghị xét xử vắng mặt).

2- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Có mặt.

Đều trú tại: Thôn AQ, xã T, huyện V, tỉnh B.

3- Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Hiện là công nhân tại Công ty Hồng Hải, khu Công nghiệp Đình Trám, Việt Yên.

4- Chị Bàn Thị Y, sinh năm 1988. Vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã NT, huyện C, tỉnh BK.
Chỗ ở: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Đặng Văn L, sinh năm 1980. Vắng mặt.
Trú tại: Ngõ 34, Tổ 18 A, phường V, quận H, TP. Hà Nội.

2- Anh Đặng Văn H, sinh năm 1984. Có mặt.
Trú tại: Thôn A, xã Y, huyện Y D, tỉnh B.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Căn cứ đơn trình báo của các bị hại và các tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh B, CQĐT Công an huyện V điều tra thu thập được đã xác định: Khoảng tháng 01/2016 Đặng Văn T, sinh năm 1986, ở thôn A, xã Y, huyện Y D, tỉnh B, sử dụng điện thoại di động số: 01688879968, thông qua mạng xã hội zalo với nick "Tôi yêu Việt Nam" để tìm kiếm, làm quen kết bạn, nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn này tháng 01/2016 T tiếp cận làm quen trên mạng với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn A, xã T, huyện V. Quá trình làm quen T giới thiệu họ tên là Đặng Minh Thắng, sinh năm 1983, chưa có vợ, nhà ở thị trấn N, huyện Y D, tỉnh B. Hiện đang là bộ đội, thuộc Trung đoàn 831 đóng quân tại huyện T, tỉnh B. Để chiếm được lòng tin của chị H, T đi mua một bộ quần áo quân phục, mũ kê pi, phù hiệu, caravat, một bộ quân hàm thượng úy và một biển mang tên Đặng Minh Thắng, đều của quân đội, như đã giới thiệu với chị H. Sau khi làm quen được với chị H, T thường xuyên nhắn tin và gọi điện qua zalo cho chị H. Khoảng tháng 02/2016, T hẹn gặp chị H ở khu vực bờ hồ thị trấn B, huyện V, khi gặp chị H, T mặc trang phục quân đội nhân dân Việt Nam, đeo quân hàm thượng úy và biển tên quân đội, mang tên Đặng Minh Thắng do T mua trước đó, để chị H tin tưởng, không nghi ngờ. Sau buổi gặp gỡ này T đã nhiều lần đến nhà chị H chơi và xin phép gia đình chị cho T đi lại để tìm hiểu chị H.

Để chiếm được lòng tin của chị H và gia đình chị, khoảng tháng 3/2016, T nhờ anh trai của T là Đặng Văn L, sinh năm 1980, hiện đang sinh sống ở tổ 18A, phường V, quận H, thành phố Hà Nội, cùng T đến nhà chị H để xin phép gia đình cho T và chị H đi lại tìm hiểu nhau.

Sau khi lấy được lòng tin của chị H và gia đình chị, T đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối lừa đảo vay của chị H 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) đồng, để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên, cụ thể:

- Lần thứ nhất: vào buổi tối, không nhớ ngày tháng, T đến nhà chị H chơi, sau đó lấy lý do chạy lên chức trong đơn vị, vay chị H 15.000.000 đồng, hẹn đến tháng lương sẽ trả, .

- Lần thứ hai: Vào buổi trưa, không nhớ ngày, tháng, tại nhà chị H, T vay chị H 5.000.000đ, với lý do cần thêm tiền để chạy lên chức, đến tháng lương sẽ trả.

- Lần thứ ba: Vào buổi tối, không nhớ ngày, tháng, tại nhà chị H, T vay chị H 4.000.000đ, lý do để chi tiêu cá nhân.

- Lần thứ tư: Vào buổi sáng, một ngày giữa tháng 3/2016, tại nhà chị H, T Vay của chị H 6.000.000đ, lý do để T trả tiền công thợ.

Sau khi lấy được lòng tin của chị H và người thân trong gia đình chị, trong tháng 3/2016, T còn 04 (bốn) lần đưa ra các thông tin gian dối (vay để trả cán bộ huyện đội V; để trả tiền lãi cầm cố xe; để đi chơi hội...) để lừa đảo, vay của anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 (là anh trai chị H), 7.000.000 đ (bẩy triệu đồng), sau khi chiếm đoạt được số tiền trên T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 5/2016 qua thông tin của chị Bùi Thị Y (là người bị T lừa đảo trong vụ án này) mà chị H và anh Th biết được T đã nói dối về lai lịch, nghề nghiệp của bản thân để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Y, nên chị H và anh Th đã nhiều lần liên lạc, tìm gặp T để đòi tiền, nhưng T không nghe điện thoại và cố tình lẩn tránh không trả tiền.

Trong tháng 3 năm 2016, cũng với thủ đoan phạm tội như đối với chị H. T tiếp tục tiếp cận làm quen với chị Bùi Thị Y, sinh năm 1978, Trú tại: thôn G, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Hiện là công nhân làm việc tại Công ty Hồng Hải, thuộc khu Công nghiệp Đình Trám, huyện V, tỉnh B. Sau khi làm quen với chị Bùi Thị Y trên mạng xã hội zalo và kết bạn với chị, sáng ngày 23/3/2016 T mặc trang phục quân đội, đeo ve hàm, biển tên, đội mũ kêpi, đi xe mô tô đến Công ty Hồng Hải đưa chị Y về quê thăm gia đình. Sau khi chiếm được lòng tin của chị Y, trong thời gian từ ngày 24/3/2016 đến ngày 05/4/2016, T đã 05 (năm) lần đưa ra các thông tin gian dối vào các ngày (24/3/2016; 01/4/2016; 03/4/2016; 04/4/2016 và 05/4/2016) để lừa đảo, vay của chị Y 15.500.000đ (mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng giữa tháng 5/2016, qua một số người quen biết T, chị Y dò hỏi và biết được T đã nói dối về lai lịch, nghề nghiệp của mình, chị gọi điện nói cho T biết và yêu cầu T trả lại tiền, sau đó nhiều lần chị điện thoại nhưng T không nghe và không liên lạc được. Chị Y đã tìm đến phòng trọ của T, ở thôn Đ, xã Q, huyện V, nhưng không gặp T, tại đây chị Y phát hiện bộ quần áo quân phục, mũ kê pi, phù hiệu, caravat, một bộ quân hàm thượng úy và một biển mang tên Đặng Minh Thắng đều

của quân đội, mà T thường sử dụng khi gặp chị trước đó để lừa đảo, nên chị Y đã mang giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B.

Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 17/3/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B tiếp tục nhận được đơn của chị Bàn Thị Y, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã N T, huyện C, tỉnh B K, tố cáo Đặng Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Kết quả điều tra xác định cuối tháng 6 năm 2016 qua mạng xã hội zalo, T kết bạn với chị Bàn Thị Y, cũng với thủ đoạn phạm tội như đã nêu trên. Sau khi lấy được lòng tin của chị Y, ngày 17/7/2016 T rủ và được chị Y đồng ý, cùng về thuê phòng trọ với T tại thôn C, xã T, huyện V. Trong khoảng thời gian giữa tháng 7 và đầu tháng 8 năm 2016, T đã 02 (hai) lần đưa ra các thông tin gian dối (vay để trả tiền lãi ngân hàng 5.000.000đ và vay để trả tiền công cho người làm thuê xây dựng 10.000.000đ) để lừa đảo của chị Y 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) đồng, sau khi chiếm đoạt được tiền của chị Bàn Thị Y. Đến đầu tháng 9/2016, T bỏ đi, không thuê ở trọ cùng với chị Y. Chị Y đã nhiều lần gọi điện đòi tiền nhưng T khất lần, rồi chặn số máy của chị không nghe. sau khi chiếm đoạt được số tiền trên T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết

Tại bản cáo trạng số: 57/KSĐT ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139- Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V sau khi nghe thẩm vấn, tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm nh- bản cáo trạng đã truy tố. Đồng thời đã phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ LHS. xử phạt Đặng Văn T từ: 30 đến 36 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS để tổng hợp với bản án số 234 ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án từ 42-48 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2017. Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

-Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS để tiếp tục tạm giữ 01 máy lọc nước nhãn hiệu NANORA màu xám, là tài sản có giá trị do bị cáo dùng tiền phạm tội mà có để THADS trả cho bị hại.

Áp dụng khoản 3 Điều 76 BLTTHS để trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu WING màu đen, nhưng tiếp tục tạm giữ để thi hành án dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo màu xanh có gắn mác Cục quân nhu (lễ phục mùa đông); 01 áo sơ my màu xanh; 01 bội quân hàm thượng úy; 01 biển đeo mang tên Đặng Minh Thắng; 01 mũ kê pi màu xanh ghi Cục quân nhu cỡ 56; 01caravat Quân nhân màu xanh.

-Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; khoản 1 Điều 584; 585 Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Thị H 20.000.000đ; anh Nguyễn Văn Th 2.000.000đ; chị Bùi Thị Y 5.500.000đ; chị Bàn Thị Y 15.000.000đ.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a; c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TV Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nh- vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2016 đến đầu tháng 08/2016 Đặng Văn T đã dùng thủ đoạn sử dụng quân tư trang, cấp hàm thượng úy, biển hiệu mang tên Đặng Minh Thắng của Quân đội và sử dụng điện thoại của T, thông qua mạng xã hội zalo để làm quen rồi kết bạn với các chị Nguyễn Thị H, Bùi Thị Y, Bàn Thị Y và qua chị H, T quen biết anh Nguyễn Văn Th (là anh trai chị H), để T nói dối về lai lịch và nghề nghiệp của mình. Sau đó T nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt của 04 (bốn) bị người hại với tổng số tiền là 67.500.000 đồng (Sáu bẩy triệu năm trăm nghìn đồng) để chi tiêu và sử dụng cá nhân. Bản cáo trạng số: 57/KSĐT ngày 29/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 - BLHS là có căn cứ, đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án thấy: Đây là vụ án có một mình bị cáo hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến tài sản của ng- ời khác đ- ợc pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian t- ơng xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mặc dù bị cáo nhiều lần phạm tội nhưng các lần phạm tội giá trị tài sản đều dưới 50.000.000đồng nên đã tính tổng giá trị tài sản để định tội theo điểm e khoản 2 Điều 139 - BLHS. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 04/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN xử phạt 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, HĐXX thấy cần phải áp dụng khoản 1 điều 51- BLHS để tổng hợp bản án buộc bị cáo Đặng Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Bị cáo ch- a có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, đồng thời đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Do đó, HĐXX xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo qui định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự.

HĐXX xét thấy: Hiện bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại điều 228 - BLTTHS.

Trong vụ án này anh Đặng Văn L (là anh trai T), đã cùng T đến gia đình chị Nguyễn Thị H và sau khi quen biết gia đình chị H, anh L có vay của anh Nguyễn Văn Th 15.000.000 đồng để sử dụng việc riêng, nhưng anh L không biết rõ mục đích T đưa anh đến nhằm tạo niềm tin cho chị H và gia đình chị, để sau đó T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H và anh Th, đồng thời anh L không có mục đích chiếm đoạt số tiền đã vay của anh Th và anh Th cũng không đề nghị giải quyết về số tiền anh L đã vay, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L.

Ngoài các hành vi nêu trên, bị cáo T còn mượn của chị Bàn Thị Y 01 máy tính Laptop để sử dụng rồi làm mất, nhưng sau đó T và gia đình đã đền bù trả chị Y 9.000.000đ. Chị Y không đề nghị xem xét hành vi này. Kết quả điều tra xác định T không có mục đích chiếm đoạt máy tính Laptop của chị Y, nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi này của T.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại trong vụ án đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt gồm: Anh Nguyễn Văn Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000đ, chị Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường 30.000.000đ, chị Bùi Thị Y yêu cầu bồi thường 15.500.000đ, chị Bàn Thị Y yêu cầu bồi thường 15.000.000đ. Xét yêu cầu bồi thường của những người bị hại là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn H (là anh trai T) đã khắc phục hậu quả thay T, anh trực tiếp trả cho chị Bùi Thị Y 10.000.000 đồng, trả cho chị Nguyễn Thị H

10.000.000 đồng và trả cho anh Nguyễn Văn Th 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại buộc bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho những người bị hại.

Anh Đặng Văn H không yêu cầu bị cáo phải trả các khoản tiền đã khắc phục hậu quả cho bị cáo nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Ngày 17/02/2017 Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại Thôn A, xã Y, huyện Y D, đã thu giữ 01 máy lọc nước nhãn hiệu "Nanora", màu xanh, đã qua sử dụng, cùng phiếu bảo hành máy lọc nước trên đứng tên khách mua hàng là Đặng Văn T, theo T khai nhận, máy lọc nước trên do T dùng tiền lừa đảo được của các bị hại, mua giá 5.000.000đ để cho gia đình sử dụng nên cần được tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Chiếc điện thoại di động, cùng sim điện thoại mà T sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo, theo T khai do hết tiền T đã bán cho một cửa hàng điện thoại ở thành phố Bắc Ninh, nhưng không nhớ địa điểm, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động có ký hiệu WING mầu đen do bị cáo tự giao nộp khi ra đầu thú có số Imei 354 028 050 100 182 và số Imei 354 028 050 100 190 xác định bị cáo không dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc áo sơ mi mầu xanh có đặc điểm trên vai áo gắn quân hàm thượng úy, trên túi áo ngực bên phải có gắn biển tên Đặng Minh Thắng, trên túi áo ngực bên trái có gắn phù hiệu quân đội ghi dòng chữ quyết thắng; 01 mũ kê pi mầu xanh ghi Cục quân nhu cỡ 56; 01 bộ quần áo mầu xanh có gắn mác Cục quân nhu (lễ phục mùa đông); 01 carvat quân nhân mầu xanh, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần được tịch thu tiêu hủy.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33- Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 – Bộ luật hình sự;

Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án số: 234/2017/HSST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 42 (Bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/02/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS, Điều 28 BLTTHS, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589- BLDS:

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường cho những người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 7.000.000đ, được trừ vào số tiền 5.000.000đ đã bồi thường, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 30.000.000đ, được trừ vào số tiền 10.000.000đ đã bồi thường, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho chị Bùi Thị Y số tiền 15.500.000đ, được trừ vào số tiền 10.000.000đ đã bồi thường, bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bồi thường cho chị Bàn Thị Y số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 15%/năm (theo sự thỏa thuận của các bên) hoặc 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 41- BLHS, Điểm a, c khoản 2 Điều 76 – BLTTHS.

Trả lại Đặng Văn T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Wing có số Imei 354 028 050 100 182 và số Imei 354 028 050 100 190.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy lọc nước nhãn hiệu"Nanora".

Tịch thu tiêu hủy chiếc áo sơ mi mầu xanh có đặc điểm trên vai áo gắn quân hàm thượng úy, trên túi áo ngực bên phải có gắn biển tên Đặng Minh Thắng, trên túi áo ngực bên trái có gắn phù hiệu quân đội ghi dòng chữ quyết thắng; 01 mũ kê pi mầu xanh ghi cục quân nhu cỡ 56; 01 bộ quần áo mầu xanh có gắn mác cục quân nhu, lễ phục mùa đông; 01carvat quân nhân mầu xanh.

(Các vật chứng có đặc điểm nh- biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên).

Về án phí: Áp dụng điều 99 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.125.000đ (*Hai triệu một trăm hai mươi năm ngàn đồng)* án phí DSST.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- THADS huyện Việt Yên.
- Bị cáo, người bị hại.
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Hợp